TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/KDTM-PT.
Ngày 13/8/2019.
"Tranh chấp cổ tức"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Tuyết;

Ông Nguyễn Duy Thuấn;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Minh Hiền – Cán bộ TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Trần Thị Xuân Linh Byă – Kiểm sát viên.

Ngày 13/8/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 07/2019/TLPT-KDTM ngày 14/6/2019, về việc *"Tranh chấp cổ tức"*.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 21/2018/KDTM-ST ngày 29/11/2018 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11/2019/QĐPT-KDTM ngày 01/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 10/2019/QĐ-PT ngày 15/7/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc N - sinh năm 1976

Địa chỉ: Đường V, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

2. Bị đơn: Công ty LT.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trương Văn D – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng M - sinh năm 1975; Chức vụ: Phó tổng giám đốc; có mặt.

Địa chỉ: Đường T1, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người kháng cáo: Công ty LT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc N trình bày:***

Tôi đã nghỉ việc tại Công ty LT nhưng Công ty còn giữ lại một phần cổ tức của tôi trong các năm 2015 và 2016 với tổng số tiền là 232.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh để đảm bảo cho khoản nợ của Hợp tác xã nông nghiệp TP. Khi tôi xin nghỉ việc thì công ty buộc tôi phải viết cam kết nhận số tiền nợ của Hợp tác xã nông nghiệp TP mới đồng ý giải quyết chế độ cho tôi. Đối với khoản nợ của HTX TP với Công ty thì hiện nay Công ty đã kiện và Tòa án cấp sơ thẩm đã ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự, tuy nhiên chưa thi hành án được vì HTX TP chưa có khả năng thi hành án.

Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty LT phải trả cho tôi số tiền 232.000.000 đồng tiền cổ tức năm 2015, 2016 và lãi suất quá hạn với số tiền là 35.543.570 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, tôi đã xin rút yêu cầu lãi suất quá hạn với số tiền là 35.543.570 đồng.

**** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty LT là ông Nguyễn Trọng M trình bày:***

Trước đây khi ông Nguyễn Ngọc N nguyên là Trưởng phòng giống cây trồng của Công ty LT. Công ty có ký kết hợp đồng với hợp tác xã nông nghiệp TP giá trị hợp đồng là 327.000.000 đồng, hợp tác xã đã thanh toán được cho công ty số tiền 95.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 232.000.000 đồng đến nay vẫn chưa thanh toán. Vì nguyên tắc trước khi nghỉ việc, nhân viên phải xử lý tồn đọng có liên quan đến cá nhân thì lúc đó công ty mới giải quyết chế độ chính sách cho người lao động trước khi chấm dứt hợp đồng lao động. Nên trước khi nghỉ việc ông Nguyễn Ngọc N có viết cam kết với công ty về khoản nợ của Hợp tác xã nông nghiệp TP còn nợ công ty với nội dung sau khi giải quyết được nghỉ ông N vẫn cùng công ty để tiếp tục đôn đốc thu hồi công nợ và đề nghị, đồng ý cho công ty giữ số tiền cổ tức của ông tương ứng với số tiền nợ của hợp tác xã nông nghiệp TP tới khi công ty thu hồi được số nợ này tương ứng với số tiền 232.000.000 đồng. Tôi xác nhận Công ty LT còn giữ lại số cổ tức của ông Nguyễn Ngọc N (tương ứng với số cổ phần là 33.636) năm 2015 và năm 2016 là 232.000.000 đồng, công ty chưa trả cho ông N.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông N yêu cầu công ty trả lại số tiền cổ tức năm 2015, 2016 là 232.000.000 thì Công ty LT không đồng ý vì tới thời điểm hiện nay công ty vẫn chưa thu hồi được số nợ 232.000.000 đồng của hợp tác xã nông nghiệp TP.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 21/2018/KDTM-ST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định:

- Căn cứ khoản 2 Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 579 và 580 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 132 luật doanh nghiệp năm 2014.

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc N.

Buộc Công ty LT phải trả cho ông Nguyễn Ngọc N số tiền 232.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi hai triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án dân sự của đương sự.

Ngày 17/01/2019, bị đơn Công ty LT nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc N vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn Công ty LT vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận đơn kháng cáo của Công ty LT.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty LT bị quá hạn nhưng tại quyết định số 01/2019/QĐPT-DS ngày 01/02/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã chấp nhận kháng cáo quá hạn và người kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định tranh chấp trên là *"Tranh chấp giữa thành viên trong công ty và công ty"*, theo khoản 4 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự là không đúng. Bởi lẽ: Ông Nguyễn Ngọc N không phải là thành viên của Công ty, theo quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp thì "Thành viên của công ty là cá nhân, tổ chức sở hữu một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty trách

nhiệm hữu hạn hoặc công ty hợp doanh". Do đó, quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp về cổ tức" theo khoản 3 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 5 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

Mặt khác, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp giữa thành viên công ty và công ty*" theo khoản 4 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng lại xác định thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự là không đúng. Bởi lẽ, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì chỉ những tranh chấp về kinh doanh thương mại theo khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự mới thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện. Vì vậy, trong vụ án Tòa án có thẩm quyền giải quyết là thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp tỉnh.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng cấp sơ thẩm đã vi phạm về thẩm quyền giải quyết vụ án, là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Vì vậy, cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

[3] Về án phí:

- Án phí KDTM sơ thẩm: Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm sẽ được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

- Án phí KDTM phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm nên người kháng cáo là Công ty LT không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310; khoản 5 Điều 30, Điều 35, khoản 3 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: Khoản 3, 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp năm 2014;

- Áp dụng khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận đơn kháng cáo của Công ty LT - Hủy bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 21/2018/KDTM-ST ngày 29/11/2018 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk và giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết lại sơ thẩm theo thẩm quyền.

[2] Về án phí:

- Án phí KDTM sơ thẩm: Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm sẽ được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

- Án phí KDTM phúc thẩm: Công ty LT không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho Công ty LT số tiền 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số AA/2017/0011854 ngày 15/02/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. T;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Anh Tuấn